CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 39+40 **Ngày 10 tháng 7 năm 2020**

MỤC LỤC

	Trích yếu nội dung	Trang
	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	
	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH	
10-7-2020	Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	2

(Đăng từ số 37+38 đến số 39+40)

Mẫu số 5

BÁO CÁO THÁNG - TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
			1	2	3	4	5	6=(4/1)	7=(4/5)	8=4/(4-3)	9=(3/2)	10
A	**Báo cáo tình tình chung (các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan đều phải báo cáo)**											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Việc thực hiện các Chương trình, Đề án quan trọng của ngành, lĩnh vực do đơn vị phụ trách. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao tại Thông báo kết luận tại Hội nghị sơ kết tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH)											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	tháng trước											
B	**Báo cáo theo ngành, lĩnh vực đơn vị phụ trách**											
1	**CỤC THỐNG KÊ**											
1.1	Chỉ số giá tiêu dùng	%										
1.2	Báo cáo KT-XH hàng tháng											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
1.3	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng										
	- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS 2010)	Tỷ đồng										
	- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá hiện hành)	Tỷ đồng										
1.4	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Ngàn tấn										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Khối lượng hàng hóa luân chuyển	Triệu tấn.km										
	Khối lượng hành khách vận chuyển	Ngàn HK										
	Khối lượng hành khách luân chuyển	triệu HK.km										
2	**SỞ TÀI CHÍNH**											
2.1	Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước (NSNN)	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	trên địa bàn											
	- Thu thuế và phí	Tỷ đồng										
	- Thu biện pháp tài chính	Tỷ đồng										
	- Thuế xuất - nhập khẩu	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
2.2	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng										
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng										
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng										
	Chi thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia (MTQG)	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
3	**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**											
3.1	Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng										
3.2	Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế	Tỷ đồng										
	- Dư nợ cho vay sản xuất	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Dư nợ cho vay tiêu dùng	Tỷ đồng										
	- Nợ xấu (nợ nhóm 3,4,5)	Tỷ đồng										
3.3	Thực hiện cho vay các chương trình tín dụng:											
	- Dư nợ cho vay theo các chương trình tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	hội											
	Dư nợ cho vay xuất khẩu	Tỷ đồng										
4	**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**											
	Tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư xây											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	dựng cơ bản (XDCB):											
	- Vốn Trung ương hỗ trợ	Tỷ đồng										
	+ Hỗ trợ có mục tiêu	Tỷ đồng										
	+ Chương trình MTQG	Tỷ đồng										
	- Vốn địa phương	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Vốn TPCP	Tỷ đồng										
	- Các nguồn vốn khéo dài năm trước sang năm sau:	Tỷ đồng										
	+ NSTW	Tỷ đồng										
	+ NSĐP	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	+ TPCP	Tỷ đồng										
	+ MTQG	Tỷ đồng										
5	**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**											
5.1	Sản phẩm chủ yếu:											
	- Sản lượng lương thực có hạt	Tấn										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Trong đó: Thóc	Tấn										
	- Cà phê nhân	Tấn										
	- Cao su mủ khô	Tấn										
	- Hạt điều	Tấn										
	- Hồ tiêu	Tấn										
	- Lạc vỏ	Tấn										
	- Mía cây	Tấn										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Đậu tương	Tấn										
	- Thịt hơi các loại	Tấn										
	- Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thuỷ, hải sản	Tấn										
	- Trồng rừng tập trung	Ha										
5.2	Tổng diện tích thực hiện vụ Đông Xuân	Ha										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Tổng diện tích thực hiện vụ Hè Thu	Ha										
5.3	Số vụ vi phạm lâm luật	Vụ										
5.4	Số con gia cầm mắc dịch bệnh	Con										
	Số con gia súc mắc dịch bệnh	Con										
5.5	Sản lượng cá bột	Triệu										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
		con										
	Sản lượng cá giống	Triệu con										
	Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn:	Ha										
	+ Thâm canh	Ha										
	+ Quảng canh	Ha										
	Sản lượng thu hoạch cá thương phẩm	Tấn										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Số lồng cá nước lạnh/tổng đàn cá nước lạnh	lồng/ nghìn con										
6	**ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH ĐẮK LẮK**											
	Dự báo về thời tiết nguy hiểm, khí tượng, thủy văn:											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Nhiệt độ	Độ C										
	- Lưu lượng dòng chảy	m										
	- Lượng mưa	mm										
	- Thời tiết nguy hiểm (lũ, lụt, hạn hán…)											
7	**VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH											
7.1	Số vụ thiên tai (giông, sét, bão, lũ, lụt, hạn hán…)	Vụ										
7.2	Số người chết, mất tích do thiên tai	Người										
7.3	Giá trị thiệt hại ước tính	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
7.4	Khắc phục thiệt hại	Tỷ đồng										
8	**SỞ CÔNG THƯƠNG**											
8.1	Sản phẩm chủ yếu											
	- *Đá xây dựng các loại*	1.000 m^3										
	- *Cát xây dựng các loại*	1.000										
		m^3										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Gạch nung quy chuẩn	10^6 Viên										
	- Khai thác Fenspat	1.000 Tấn										
	- Bê tông và các sản phẩm từ bê tông	m^3										
	- Bia các loại	1.000										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
		lít										
	- Rượu, nước giải khát, nước lọc	1.000 lít										
	- Cà phê bột	Tấn										
	- Cà phê hòa tan	Tấn										
	- Hạt điều nhân	Tấn										
	- Cao su CB và sản phẩm	Tấn										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	cao su											
	- Tinh bột sắn	1.000 tấn										
	- Đường các loại	1.000 tấn										
	- Ván nhân tạo	m^3										
	- Gỗ tinh chế	m^3										
	- Thiết bị chế biến nông	Chiếc										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	sản											
	- Điện thương phẩm	10^6 Kwh										
	- Điện sản xuất	10^6 Kwh										
	- Nước máy ghi thu	1.000 m^3										
	- ...											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
8.2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng										
8.3	Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD										
	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu											
	- *Cà phê*	Tấn										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- *Cà phê hòa tan*	Tấn										
	- *Cao su*	Tấn										
	- *Tiêu*	Tấn										
	- *Điều*	Tấn										
	- *Tinh bột sắn*	Tấn										
	- *Sản phẩm ong*	Tấn										
8.4	Tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:											
	- *Nguyên vật liệu, dụng cụ, máy móc thiết bị*	Triệu USD										
	- *Phân bón*	Tr.USD										
	- *Hàng hóa khác*	Tr.USD										
8.5	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng										
	Theo giá hiện hành	Tỷ đồng										
9	**SỞ XÂY DỰNG**											
9.1	Phê duyệt chủ trương lập và điều chỉnh quy hoạch	Chủ trương										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
9.2	Cấp Giấy phép xây dựng công trình	Công trình										
9.3	Cấp Giấy phép quy hoạch xây dựng công trình	Công trình										
9.4	Kiểm tra trật tự xây dựng	Công trình										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
9.5	Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng	Đơn vị										
10	**SỞ GIAO THÔNG VÀ VẬN TẢI**											
10.1	Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ											
	- Quốc lộ	Triệu đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Tỉnh lộ	Triệu đồng										
10.2	Tổ chức kiểm định lượt phương tiện	Phương tiện										
	Thẩm định thiết kế cải tạo	Hồ sơ										
10.3	Cấp mới Giấy phép lái xe	Giấy phép										
	Cấp đổi Giấy phép lái	Giấy										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	xe	phép										
11	**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**											
11.1	Cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng (QSD) đất hộ gia đình, cá nhân											
	Số lượng cấp	Giấy										
	Diện tích cấp	Ha										
11.2	Cấp Giấy chứng nhận											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	QSD đất các tổ chức											
	Số lượng cấp	Giấy										
	Diện tích cấp	Ha										
11.3	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp	Ha										
11.4	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất cho các đơn vị	Đơn vị										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
11.5	Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án	Dự án										
11.6	Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên, khoáng sản	Đơn vị										
11.7	Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành	Đơn vị										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	chính											
11.8	Số vụ vi phạm môi trường	Vụ										
	Số tiền xử phạt vi phạm môi trường	Triệu đồng										
12	**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**											
12.1	Phát triển doanh nghiệp	Doanh										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
		nghiệp										
	Số doanh nghiệp đang còn hoạt động	Doanh nghiệp										
	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp										
	Số doanh nghiệp giải thể	Doanh nghiệp										
	Số doanh nghiệp tạm	Doanh										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	ngừng hoạt động	nghiệp										
	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động đã quay trở lại hoạt động	Doanh nghiệp										
	Số doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp	Doanh nghiệp										
	Số hợp tác xã (HTX) thành lập mới	HTX										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Số HTX tồn tại trên danh nghĩa, HTX ngừng hoạt động	HTX										
	Số tổ hợp tác (THT), HTX còn hoạt động	THT, HTX										
12.2	Xúc tiến đầu tư											
	- Số dự án thu hút đầu tư, trong đó:	Dự án										
	+ Tổng vốn đầu tư đăng	Tỷ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	ký	đồng										
	- Số dự án phê duyệt quyết định chủ trương	Dự án										
	đầu tư, trong đó:											
	+ Tổng vốn đầu tư đăng ký	Tỷ đồng										
	+ Số vốn thực hiện của các dự án trong kỳ báo	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	cáo											
12.3	Hoạt động kinh tế đối ngoại											
	- Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), trong đó:	Dự án										
	+ Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng										
	- Dự án Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), trong	Dự án										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	đó:											
	+ Tổng vốn	Tỷ đồng										
	- Dự án từ nguồn vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (NGO), trong đó:	Dự án										
	+ Tổng vốn	Tỷ đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP, trong đó:	Dự án										
	+ Tổng vốn	Tỷ đồng										
	- Số dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đầu tư	Dự án										
12.4	Đầu tư xây dựng cơ bản											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
a	Tình hình phân bổ các nguồn vốn XDCB	Tỷ đồng										
b	Tình hình giải ngân các nguồn vốn XDCB	Tỷ đồng										
c	Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong đó:	Dự án										
	+ Số dự án trình thẩm định đúng quy định	Dự án										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	+ Số dự án trình thẩm định không đúng quy định	Dự án										
d	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình. Trong đó:	Dự án										
	+ Số dự án trình thẩm định đúng quy định	Dự án										
	+ Số dự án trình thẩm định không đúng quy	Dự án										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	định											
	Tình hình giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu	Hồ sơ										
	Trong đó:											
	+ Tuân thủ các quy định về đấu thầu	Hồ sơ										
	+ Không tuân thủ các quy định về đấu thầu	Hồ sơ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
13	**SỞ Y TẾ**											
13.1	Công tác y tế dự phòng											
	Số người mắc bệnh truyền nhiễm, trong đó:	Người										
	- Bệnh Tay chân miệng	Người										
	- Bệnh Viêm não Nhật Bản	Người										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Bệnh sốt xuất huyết	Người										
	- Bệnh...	Người										
	Kết quả tiêm chủng mở rộng:											
	- Tiêm sởi-rubella trẻ 18	Trẻ										
	tháng tuổi											
	- Tiêm DPT trẻ 18 tháng tuổi	Trẻ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- …											
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin	%										
13.2	Số lượt Bệnh nhân khám tại các bệnh viện công lập	Lượt										
13.3	- Số HIV/AIDS/TV mới phát hiện	Người										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Tổng số bệnh nhân tham gia điều trị bằng Methadone	Người										
13.4	Số Cơ sở thực phẩm thẩm định điều kiện ATTP	Cơ sở										
13.5	Tổ chức khám tại Trung tâm Da liễu cho các đối tượng phong, da liễu	Người										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
13.6	Tổng Số Bệnh nhân sốt rét	Người										
13.7	- Số lượng khám, điều trị phụ khoa	Người										
	- Số lượng khám, điều trị cho trẻ em	Người										
13.8	Tổ chức kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm	Mẫu										
13.9	Số ca mắc, chết do các	Vụ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	bệnh dịch											
13.10	Số người chết do AIDS mới phát hiện	Người										
13.11	Số vụ/ số người mắc/số người chết do ngộ độc thực phẩm	Vụ/người										
14	**BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH**											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
14.1	Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN	Người										
14.2	Tổng số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng										
14.3	Tổng số tiền chi bảo hiểm BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng										
14.4	Tổng số tiền nợ bảo hiểm BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
15	**SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**											
15.1	Lĩnh vực Lao động											
	- Công tác Việc làm - An toàn lao động											
	+ Tư vấn việc làm, nghề nghiệp và các chế độ chính sách	Người										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	+ Giới thiệu việc làm	Người										
	+ Cung ứng lao động cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh	Người										
	+ Số đơn vị, doanh nghiệp đến đăng ký tuyển dụng tại Trung tâm Dịch vụ việc làm	Đơn vị										
	+ Tổ chức Phiên giao dịch việc làm cho các	Đơn vị										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	đơn vị											
	+ Lao động là người nước ngoài làm việc tại các Công ty đóng chân trên địa bàn tỉnh	Người										
	+ Cấp Giấy phép cho lao động nước ngoài	Người										
	+ Số người được tạo việc làm mới	Người										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Công tác Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội											
	+ Hướng dẫn quy định về vệ sinh, an toàn lao động, BHXH cho các công ty, doanh nghiệp	đơn vị										
15.2	Lĩnh vực Người có công											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Giải quyết chế độ cho người có công, thân nhân người có công và các đối tượng khác	Người										
15.3	Lĩnh vực xã hội											
	- Chăm sóc và nuôi dưỡng tại Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi	Người										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí											
	- Hỗ trợ khám và điều trị cho trẻ em	Người										
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng										
16	**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
16.1	Công tác chuyên môn, Hội nghị tập huấn											
	Số cuộc Hội nghị, tập huấn	Cuộc										
16.2	Công tác thanh tra, kiểm tra											
	Số cuộc thanh tra, kiểm tra	Cuộc										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
17	**ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH**											
17.1	Phát thanh											
	- Số giờ phát	Giờ										
	+ Chương trình Đài Tiếng nói Việt Nam	Giờ										
	+ Chương trình địa phương. Trong đó:	Giờ										
	Chương trình tiếng Ê đê	Giờ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Chương trình tiếng M'nông	Giờ										
	- Sản xuất tin	Tin										
	- Phóng sự phát thanh	Phóng sự										
	- Số cuộc phát thanh trực tiếp	Cuộc										
	- Sản xuất phát sóng chuyên mục trên sóng	Chuyên										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	phát thanh	mục										
	- Diện phủ sóng phát thanh Đài Tiếng nói Việt Nam	%										
17.2	Truyền hình											
	- Số giờ phát	Giờ										
	+ Tiếp phát chương trình Trung ương	Giờ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	+ Chương trình địa phương. Trong đó:	Giờ										
	Chương trình tiếng Ê đê	Giờ										
	Chương trình tiếng M'nông	Giờ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Diện phủ sóng truyền hình Đài Truyền hình Việt Nam	%										
	- Sản xuất tin	Tin										
	- Phóng sự phát sóng truyền hình	Phóng sự										
	- Sản xuất phát sóng chuyên mục trên sóng truyền hình	Chuyên mục										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Số cuộc truyền hình trực tiếp	Cuộc										
18	**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**											
18.1	Tỷ lệ xã có hệ thống thông tin liên lạc thông suốt	%										
18.2	Số thuê bao điện thoại /100 dân	Thuê bao										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Trong đó: Số thuê bao điện thoại cố định/100 dân	Thuê bao										
18.3	Số thuê bao internet/100 dân	Thuê bao										
18.4	Tỷ lệ người sử dụng internet	%										
18.5	Tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân	Cuộc										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
18.6	Kiểm tra phòng, chống in lậu	Cơ sở										
18.7	Tổng số tiền xử phạt	Triệu đồng										
19	**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**											
19.1	Tổng số lượt khách du lịch, trong đó:	1.000 lượt										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	+ Tổng số lượt khách du lịch tham quan Bảo tàng tỉnh, di tích Biệt điện Bảo	1.000 lượt										
	Đại, Nhà đày Buôn Ma Thuột…											
	+ Tổng lượt khách quốc tế	1.000 lượt										
19.2	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
		đồng										
20	**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**											
20.1	Công tác quản lý đề tài, dự án khoa học và công nghệ											
	- Số đề tài, dự án cấp tỉnh được tư vấn tuyển chọn	Đề tài, dự án										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Số đề tài cấp tỉnh được giao trực tiếp	Đề tài, dự án										
	Trong đó: Đề tài, dự án đạt	Đề tài, dự án										
	- Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được UBND tỉnh phê duyệt	Đề tài, dự án										
	Trong đó: Đề tài đã tổ chức giao trực tiếp	Đề tài, dự án										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
20.2	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện										
21	**BAN DÂN TỘC**											
	Tình hình thực hiện các chương trình, CS dân tộc:											
21.1	Chương trình 135 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	02/9/2016 của TTCP (số công trình, kinh phí thực hiện, giải ngân…)											
21.2	Chính sách theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg (số lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức; số người được tập huấn, bồi dưỡng)											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
21.3	Chính sách theo Quyết định số 59/QĐ-TTg của TTCP (số lượng cung cấp các loại ấn phẩm, tạp chí,…)											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
21.4	Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo QĐ số 102/2009/QĐ-TTg, ngày 07/8/2009 của TTCP (số hộ được cấp phát, kinh phí thực hiện,…)											
21.5	Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển KT-XH											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giai đoạn năm 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của TTCP (Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; bố trí sắp xếp ổn định dân cư cho hộ DTTS còn du canh du cư; hỗ											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	trợ vay vốn tín dụng ưu đãi)											
21.6	Các chính sách khác											
22	**BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH**											
	Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ theo NQ 28 (nếu có)											
	- Cấp tỉnh	%										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Cấp huyện	%										
	- Cấp xã	%										
23	**BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG**											
23.1	Số vụ vi phạm quy chế biên giới	Vụ										
23.2	Số vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội các xã biên	Vụ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	giới											
24	**CÔNG AN TỈNH**											
24.1	Tình hình tai nạn giao thông											
	- *Về số vụ*	Vụ										
	- *Về số người chết*	Người										
	- *Về số người bị thương*	Người										
24.2	Số đối tượng, số vụ vi phạm pháp luật về trật	Đối tượng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	tự quản lý kinh tế	/vụ										
24.3	Số đối tượng, số vụ vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường	Đối tượng /vụ										
24.4	Số đối tượng, số vụ phạm tội về ma tuý	Đối tượng /vụ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
24.5	Tuần tra kiểm soát, phát hiện, lập biên bản trường hợp vi phạm an toàn giao thông	Trường hợp										
24.6	- Số phương tiện đăng ký thêm:											
	+ Phương tiện hành khách	Chiếc										
	+ Phương tiện hàng hóa	Chiếc										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Số phương tiện đăng ký mới phân theo loại phương tiện:											
	+ Ô tô	Xe										
	+ Xe máy	Xe										
25	**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY TỈNH**											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
25.1	Số vụ cháy, nổ	Vụ										
25.2	Số người chết, bị thương	Người										
25.3	Thiệt hại tài sản	Tr. đồng										
25.4	Số vụ cứu nạn cứu hộ	Vụ										
25.5	Số vụ vi phạm Phòng cháy chữa cháy (PCCC)	Vụ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
25.6	Số tiền xử phạt PCCC	Tr. đồng										
26	**SỞ TƯ PHÁP**											
26.1	Số Dự thảo văn bản Quy phạm pháp luật (QPPL) được góp ý, thẩm định	Văn bản										
26.2	Số văn bản QPPL được kiểm tra	Văn bản										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
26.3	Số văn bản QPPL được rà soát	Văn bản										
26.4	Phát hành Bản tin Tư pháp	Cuốn										
26.5	Cấp phiếu lý lịch tư pháp	Phiếu										
26.6	Công tác bổ trợ tư pháp											
	Số lượng công chứng	Trường hợp										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Thu phí công chứng	Triệu đồng										
	Số lượng chứng thực	Trường hợp										
	Thu phí chứng thực	Tr. đồng										
	Số cuộc bán đấu giá tài sản	Cuộc										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
26.7	Số vụ việc, đối tượng được trợ giúp pháp lý	Vụ/đối tượng										
27	**TRANH TRA TỈNH**											
27.1	Công tác thanh tra											
	- Số cuộc thanh tra hành chính	Cuộc										
	+ Phát hiện sai phạm về kinh tế	Triệu đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	+ Kiến nghị thu hồi nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng										
	+ Giảm trừ quyết toán	Tr.đồng										
	+ Kiến nghị xử lý khác	Tr.đồng										
	+ Đã thu hồi nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng										
	- Phát hiện sai phạm về thanh tra kiểm tra chuyên	Tr.đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	ngành											
	+ Số Quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Quyết định										
	+ Số tiền xử phạt vi phạm hành chính	Tr.đồng										
	+ Đã thu hồi nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
27.2	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo											
	Số lượt công dân đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh	Lượt										
	Số vụ khiếu nại, kiến nghị, phản ánh	Vụ										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Tiếp nhận mới đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Đơn										
	Tổng số đơn phải xử lý	Đơn										
	Đơn đủ điều kiện xem xét, xử lý	Đơn										
28	**SỞ NỘI VỤ**											
28.1	Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm, điều động và	Trường hợp										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý											
28.2	Quyết định, thỏa thuận tiếp nhận, điều động	Trường hợp										
28.3	Quyết định cử công chức, viên chức đi học sau đại học	Trường hợp										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
28.4	Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn	Trường hợp										
28.5	Công tác thi đua, khen thưởng											
	Khen thưởng tập thể	Đơn vị										
	Khen thưởng cá nhân	Cá nhân										
29	**SỞ NGOẠI VỤ**											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
29.1	Số đoàn vào và chuyên gia nước ngoài đến tỉnh	Đoàn/ người										
29.2	Số đoàn ra và công chức, viên chức tỉnh đi nước ngoài	Đoàn/ người										

* Nêu số kế hoạch đối với các chỉ tiêu được giao theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước của UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

** Giải trình nguyên nhân, lý do dẫn đến sự tăng, giảm đột biến so với kế hoạch và so với cùng kỳ báo cáo trước.

Phụ lục III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT, NHÃN HÀNG HÓA, ĐO LƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

I. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, ban hành văn bản

2. Kết quả về công tác thông tin tuyên truyền

3. Kết quả hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)

4. Kết quả về tiếp nhận và thông báo tiếp nhận công bố hợp quy

5. Kết quả về tiếp nhận và thông báo tiếp nhận công bố hợp chuẩn

6. Kết quả về tiếp nhận Công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm

7. Kết quả về thanh tra, kiểm tra:

8. Kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

9. Tình hình quản lý nhà nước về đo lường

9.1 Tình hình kiểm định phương tiện đo (PTĐ) của các tổ chức trên địa bàn tỉnh

9.2. Tình hình quản lý kiểm định viên trên địa bàn tỉnh

9.3. Tình hình quản lý chuẩn đo lường, phương tiện hiệu chuẩn, kiểm định phương tiện đo trên địa bàn tỉnh

9.4. Tình hình sử dụng tem, dấu và giấy chứng nhận kiểm định của các tổ chức trên địa bàn tỉnh

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường

II. Đánh giá, nhận xét, kiến nghị

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

3. Kiến nghị.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: http://congbao.daklak.gov.vn

In tại:

Giá: …….. đồng